

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 54

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Quốc Bình	Chủ tịch (được bổ nhiệm từ vị trí Phó Chủ tịch thường trực kể từ ngày 23 tháng 7 năm 2026)
Ông Lưu Hải Ca	Thành viên (từ nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ ngày 23 tháng 7 năm 2026)
Bà Nguyễn Quỳnh Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Bá Lân	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Trí	Thành viên độc lập (bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2026)
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên độc lập (miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2026)

Ban Kiểm soát

Bà Dương Quỳnh Diệp	Trưởng ban
Ông Lê Trung Hiếu	Thành viên
Ông Lê Thanh Hùng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Bá Lân	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quý Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tý	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Lê Duy	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Bá Lân - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.



Nguyễn Bá Lân
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Số: 2543/2026/BCSX-ICPA.SG

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2026, từ trang 5 đến trang 54, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến vấn đề được trình bày tại Thuyết minh VIII.4 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ thể hiện rằng, Công ty đã sử dụng các thông tin sẵn có và các giả định để ước tính chi phí tiền sử dụng đất của dự án khu căn hộ cao tầng Diamond Riverside với giá trị là 201 tỷ đồng. Đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty vẫn chưa quyết toán được tiền sử dụng đất để nộp vào ngân sách Nhà nước. Do vậy, chi phí tiền sử dụng đất liên quan đến dự án này có thể chênh lệch so với giá trị ước tính mà Công ty đã ghi nhận vào kết quả kinh doanh riêng các kỳ trước.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



Phạm Thị Toan
Phó Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2767-2024-072-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ
CHI NHÁNH SÀI GÒN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.740.684.080.331	5.180.462.216.948
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	2.490.375.830	3.582.452.657
1. Tiền	111		2.490.375.830	3.582.452.657
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.2	249.971.421.798	192.682.422.711
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	VI.2a	249.971.421.798	192.682.422.711
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		752.970.848.088	822.578.943.716
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.3	179.033.024.947	182.018.387.225
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	VI.4	319.360.890.799	383.469.207.206
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	VI.5	254.576.932.342	257.091.349.285
IV. Hàng tồn kho	140	VI.6	4.624.423.913.364	4.078.905.013.433
1. Hàng tồn kho	141		4.624.423.913.364	4.078.905.013.433
V. Tài sản ngắn hạn khác	160		110.827.521.251	82.713.384.431
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		-	1.890.070.707
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		110.462.507.370	79.834.041.937
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	VI.14	365.013.881	989.271.787

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Trình bày lại)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.449.377.739.880	2.438.843.199.745
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		75.559.879.559	52.478.357.267
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	VI.3	21.679.747.429	23.598.225.137
2. Phải thu dài hạn khác	215	VI.5	53.880.132.130	28.880.132.130
II. Tài sản cố định	220		62.824.437.780	64.030.015.250
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.7	45.217.615.943	46.423.193.413
- Nguyên giá	222		66.966.621.232	66.966.621.232
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.749.005.289)	(20.543.427.819)
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.8	17.606.821.837	17.606.821.837
- Nguyên giá	228		17.875.921.837	17.875.921.837
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(269.100.000)	(269.100.000)
III. Bất động sản đầu tư	240	VI.9	16.958.727.037	17.362.514.767
- Nguyên giá	241		18.769.229.874	18.769.229.874
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.810.502.837)	(1.406.715.107)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	250		5.790.355.613	5.741.204.903
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		5.790.355.613	5.741.204.903
V. Đầu tư tài chính dài hạn	260	VI.2	2.023.637.054.861	2.042.009.054.861
1. Đầu tư vào công ty con	261	VI.2b	111.642.481.667	111.642.481.667
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	VI.2c	4.579.636.245	4.579.636.245
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	VI.2d	16.150.000.000	16.150.000.000
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	VI.2e	(42.741.063.051)	(42.741.063.051)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	VI.2a	1.934.006.000.000	1.952.378.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	270		264.607.285.030	257.222.052.697
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	VI.10	263.065.152.009	251.252.688.549
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272	VI.11	1.542.133.021	5.969.364.148
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		8.190.061.820.211	7.619.305.416.693

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		6.393.580.587.941	5.826.622.944.514
I. Nợ ngắn hạn	310		2.221.081.105.426	1.891.247.791.854
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.12	51.435.920.324	27.435.029.857
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	VI.13	18.389.301.597	18.389.301.597
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	VI.14	7.017.782.897	17.398.097.235
4. Phải trả người lao động	315		1.702.990.149	1.571.227.110
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	VI.15	37.130.451.099	29.193.306.873
6. Phải trả ngắn hạn khác	320	VI.16	336.430.837.555	289.701.161.163
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	VI.17	1.565.576.820.076	1.302.925.055.128
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322	VI.18	202.666.513.634	202.666.513.634
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		730.488.095	1.968.099.257
II. Nợ dài hạn	330		4.172.499.482.515	3.935.375.152.660
1. Phải trả dài hạn khác	338	VI.16	782.727.316.381	764.477.329.750
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	VI.17	3.389.772.166.134	3.170.897.822.910
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	VI.19	1.796.481.232.270	1.792.682.472.179
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.004.756.560.000	1.004.756.560.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.004.756.560.000	1.004.756.560.000
2. Thặng dư vốn	412		207.059.165.444	207.059.165.444
3. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		(7.087.077.763)	(7.087.077.763)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		591.752.584.589	587.953.824.498
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		587.580.610.660	579.521.241.506
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		4.171.973.929	8.432.582.992
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		8.190.061.820.211	7.619.305.416.693



Nguyễn Văn Minh
Kế toán trưởng kiêm
người lập biểu



Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Nguyễn Bá Lân
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	3.706.412.186	18.524.466.283
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.1	28.680.817.684	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		(24.974.405.498)	18.524.466.283
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	(25.718.158.447)	9.723.699.490
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		743.752.949	8.800.766.793
6. Lãi của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VII.3	128.574.285.886	186.371.796.940
8. Chi phí tài chính	23	VII.4	84.066.906.398	131.720.409.559
- Trong đó: Chi phí đi vay	24		84.066.906.398	130.798.741.601
9. Chi phí bán hàng	25		1.173.177.112	613.063.034
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.5	2.995.714.144	5.468.096.846
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 + 22 - (23 + 25 + 26)}	30		41.082.241.181	57.370.994.294
12. Thu nhập khác	31	VII.6	2.076.933.273	187.528.357
13. Chi phí khác	32	VII.7	27.229.007.690	43.461.855.090
14. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(25.152.074.417)	(43.274.326.733)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		15.930.166.764	14.096.667.561
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.8	7.330.961.708	6.291.170.743
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11	4.427.231.127	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		4.171.973.929	7.805.496.818



Nguyễn Văn Minh
Kế toán trưởng kiêm
người lập biểu



Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Nguyễn Bá Lân
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	15.930.166.764	14.096.667.561
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.609.365.200	1.673.460.030
Các khoản dự phòng	03	-	2.106.317.808
Lãi từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	(120.567.749.017)	(138.377.915.877)
Chi phí đi vay	06	84.066.906.398	129.298.741.601
3. (Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(18.961.310.655)	8.797.271.123
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	36.221.761.900	(48.839.939.285)
Tăng hàng tồn kho	10	(396.941.204.680)	(69.011.677.694)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	16.953.258.117	(25.448.299.555)
Tăng chi phí chờ phân bổ	12	(9.922.392.753)	(15.194.293.497)
Chi phí đi vay đã trả	14	(151.699.976.303)	(200.975.289.629)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(17.395.253.409)	(7.834.750.857)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.610.825.000)	(1.587.130.818)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(543.355.942.783)	(360.094.110.212)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(49.150.710)	(1.569.503.323)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	10.636.363
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(13.150.000.000)	(190.100.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	347.937.685.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(25.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	5.500.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	94.314.408.494	166.781.149.539
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	61.615.257.784	323.059.967.579

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.176.654.608.172	1.364.500.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(696.006.000.000)	(1.335.953.770.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	480.648.608.172	28.546.230.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(1.092.076.827)	(8.487.912.633)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.582.452.657	32.650.313.710
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	2.490.375.830	24.162.401.077



Nguyễn Văn Minh
Kế toán trưởng kiêm
người lập biểu



Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Nguyễn Bá Lân
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003556 do Sở Tài chính (tiền thân là Sở Kế hoạch và Đầu tư) Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 04 tháng 7 năm 2005 và qua các lần điều chỉnh trong đó lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 20 ngày 20 tháng 7 năm 2025 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.004.756.560.000 đồng, được chia thành 100.475.656 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty mẹ tối cao của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (“CII”), trụ sở chính tại Tầng 12, 152 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty mẹ trực tiếp là Công ty TNHH Thương mại Đầu tư CII (một công ty con của CII). Tỷ lệ sở hữu tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Nhóm Công ty CII là 79,79%.

Trụ sở chính của Công ty tọa lạc tại tòa nhà CII Tower, 152 Điện Biên Phủ, phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: NBB.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: 577 Investment Corporation, tên viết tắt là 577 CORP.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày cuối kỳ và đầu kỳ lần lượt là 68 người và 70 người.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là đầu tư và kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình giao thông, công trình dân dụng, đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng đô thị, khai thác và chế biến khoáng sản.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là triển khai các hoạt động hoàn thiện hồ sơ pháp lý, đầu tư và phát triển, kinh doanh các dự án bất động sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động đầu tư và kinh doanh bất động sản của Công ty bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thiện. Do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động này ước tính trong vòng từ 24 tháng đến 60 tháng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của các hoạt động khác của Công ty thông thường được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp**

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết Công ty đang đầu tư như sau:

Tên công ty	Tại thời điểm cuối kỳ		Tại thời điểm đầu kỳ		Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính
	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ (%)	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ (%)		
Các công ty con						
1. Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh	95,00%	95,00%	95,00%	95,00%	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi (i)	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%	Tỉnh Quảng Ngãi	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
3. Công ty TNHH Hương Trà	99,00%	99,00%	99,00%	99,00%	Tỉnh Quảng Ngãi	Quản lý điều hành và kinh doanh Mỏ nước khoáng Trà Bồng
Công ty liên doanh, liên kết						
1. Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tam Phú (i)	49,00%	49,00%	49,00%	49,00%	Tp. Đà Nẵng	Kinh doanh bất động sản

(i) Các công ty đã ngừng hoạt động và đang làm thủ tục giải thể.

Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc của Công ty bao gồm:

- Chi nhánh Bình Thuận, đăng ký tại tổ 2, thôn Phước Hải, phường Phước Hội, tỉnh Lâm Đồng.
- Chi nhánh Miền Bắc, đăng ký tại số 14, tổ 7b, khu 9B, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh.
- Chi nhánh Quảng Ngãi, đăng ký tại 364 Võ Nguyên Giáp, phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT** (tiếp theo)**Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và số liệu của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Công ty đã áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) do Bộ Tài chính ban hành ngày 27 tháng 10 năm 2025 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Trong đó, Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 99 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố. Công ty cũng đã trình bày lại dữ liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu phù hợp với quy định của Thông tư 99 (*chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số VIII.5*). Do đó, thông tin trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này là có thể so sánh được.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Áp dụng hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư 99 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị và không bị hạn chế sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, giấy tờ có giá (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi), trái phiếu, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác hoặc có bản chất tương tự và không bao gồm các công cụ phái sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm mệnh giá trừ (-) số tiền lãi nhận trước cho nhiều kỳ (trường hợp khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nhận lãi trước) cộng (+) số phụ trội hoặc trừ (-) chiết khấu.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản chiết khấu và/hoặc phụ trội được phân bổ theo phương pháp đường thẳng phù hợp với kỳ hạn của khoản đầu tư, cụ thể:

- Chiết khấu của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ dần để tính vào doanh thu hoạt động tài chính từng kỳ trong suốt thời hạn của khoản đầu tư;
- Phụ trội của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ dần để giảm trừ doanh thu tài chính từng kỳ trong suốt thời hạn của khoản đầu tư.

Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của khoản đầu tư. Lãi nhận sau hoặc lãi nhận định kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính tương ứng với kỳ hưởng lãi.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập khi có bất kỳ dấu hiệu hoặc bằng chứng nào cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty có khả năng không thu hồi được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)***Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư vốn vào đơn vị khác******Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vốn vào đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư và các khoản đầu tư vào hợp đồng hợp tác kinh doanh mà Công ty không có quyền đồng kiểm soát nhưng được hưởng lợi ích phụ thuộc vào lợi nhuận sau thuế của hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư vốn vào đơn vị khác theo giá gốc, bao gồm giá mua và chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc đầu tư như chi phí tư vấn pháp lý, thẩm định giá, chi phí thông tin, môi giới, giao dịch trong quá trình thực hiện đầu tư. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia nêu trên, được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được và doanh thu từ cổ tức bằng cổ phiếu.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư vốn vào đơn vị khác được trình bày trong Báo cáo tình hình tài chính riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng tổn thất (nếu có).

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư vốn vào đơn vị khác

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết và đầu tư vốn vào đơn vị khác được trích lập khi các công ty này bị lỗ hoặc khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ báo cáo. Nếu bên nhận đầu tư là đối tượng lập báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư vốn vào đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Nợ phải thu** (tiếp theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Hàng tồn kho*Hàng hóa bất động sản*

Hàng hóa bất động sản của Công ty bao gồm các bất động sản được mua hoặc xây dựng để bán trong kỳ hoạt động kinh doanh bình thường, được ghi nhận trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng; chi phí xây dựng và các khoản chi phí lãi vay, chi phí tư vấn thiết kế, chi phí quản lý xây dựng và các khoản chi phí liên quan khác (nếu có) để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho khác

Hàng tồn kho khác được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty xác định giá trị hàng xuất kho theo từng lần phát sinh để hạch toán hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc bán các sản phẩm đó.

Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho khi hàng tồn kho bị hư hỏng, lỗi thời, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao** (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định đến vị trí và trạng thái có khả năng hoạt động.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	50
Máy móc, thiết bị	04 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất không có thời hạn và chương trình phần mềm.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa lô đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không phải trích khấu hao.

Nguyên giá của chương trình phần mềm bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Phần mềm của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là giá trị đầu tư phòng tập gym và khu nhà trẻ do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.

Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

	<u>Số năm</u>
Phòng tập gym	20
Khu nhà trẻ	20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Bất động sản đầu tư** (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất dài hạn và bất động sản đầu tư khác nắm giữ cho mục đích chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư hoặc từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp sau:

- Bất động sản đầu tư chuyển thành bất động sản chủ sở hữu sử dụng khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này;
- Bất động sản đầu tư chuyển thành hàng tồn kho khi chủ sở hữu bắt đầu triển khai cho mục đích bán;
- Bất động sản chủ sở hữu sử dụng chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu kết thúc sử dụng tài sản đó;
- Hàng tồn kho chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động;
- Bất động sản xây dựng chuyển thành bất động sản đầu tư khi kết thúc giai đoạn xây dựng, bàn giao đưa vào đầu tư.

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa bất động sản đầu tư với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của bất động sản trong việc xác định giá trị hay để lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ sau khi đã bán hoặc không còn được nắm giữ lâu dài và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Doanh thu từ việc bán bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được hoặc sẽ thu được. Chi phí bán và giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ bán bất động sản đầu tư.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết và không thể tránh được để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái có khả năng hoạt động.

Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ là các chi phí thực tế đã phát sinh và có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ bao gồm chi phí liên quan đến các bất động sản chưa bàn giao chờ phân bổ; chi phí mua lại quyền tham gia dự án; công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí chờ phân bổ khác.

Chi phí liên quan đến bất động sản chưa bàn giao bao gồm chi phí môi giới, chi phí xây dựng và trang bị nhà mẫu của các dự án kinh doanh bất động sản. Các chi phí này được phân bổ vào kết quả kinh doanh theo tỷ lệ doanh thu của các dự án khi Công ty bàn giao bất động sản cho khách hàng.

Chi phí mua lại quyền tham gia dự án ghi nhận là chi phí chờ phân bổ dài hạn và phân bổ vào kết quả kinh doanh theo tỷ lệ diện tích các bất động sản đã bán của các dự án trong từng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Chi phí chờ phân bổ** (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các khoản chi phí chờ phân bổ khác được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Phải trả người bán

Phải trả người bán là các khoản nợ phải trả phát sinh từ việc mua hàng hóa, dịch vụ hoặc tài sản từ người bán trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp. Các khoản phải trả người bán được thể hiện theo giá gốc.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ mà Công ty đã nhận được nhưng thực tế chưa trả do chưa có đủ hồ sơ, chứng từ, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ, có khả năng Công ty sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó và giá trị của nghĩa vụ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Vay

Vay được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ đi vay trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay bao gồm chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn, chi phí thu xếp khoản vay,... được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản đó vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ được sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang được ghi giảm trừ vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hóa.

Vốn chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá. Cổ phiếu phát hành để tăng vốn điều lệ, vốn góp của cổ đông được ghi nhận theo số tiền thực tế thu được tương ứng với mệnh giá cổ phiếu phát hành thành công. Vốn góp của chủ sở hữu chỉ được ghi nhận tăng trên Báo cáo tình hình tài chính khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với việc thay đổi vốn điều lệ theo quy định của pháp luật.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)*Thặng dư vốn*

Thặng dư vốn phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu.

Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu được phân bổ theo số lượng cổ phiếu phát hành thành công và không thành công:

- Phần chi phí phân bổ cho cổ phiếu phát hành thành công được bù trừ vào thặng dư vốn.
- Phần chi phí liên quan đến cổ phiếu phát hành không thành công được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty. Việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi tuân thủ theo các quy định về kế toán và tài chính hiện hành.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Số cổ tức được công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của cổ đông trong Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu chuyển nhượng bất động sản*

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Đối với bất động sản phân lô bán nền, nếu đã chuyển giao nền đất cho khách hàng (không phụ thuộc đã làm xong thủ tục pháp lý về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay chưa) và hợp đồng không hủy ngang, chủ đầu tư được ghi nhận doanh thu đối với nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- (a) Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- (b) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (c) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu**

Đối với các bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư: khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng thì Công ty được ghi nhận doanh thu khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng khi đáp ứng tất cả năm (5) điều kiện tương tự như trên.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê bất động sản

Doanh thu cho thuê bất động sản bao gồm tiền cho thuê văn phòng, thương mại và các cơ sở hạ tầng khác theo hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê.

Thu nhập từ chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư

Doanh thu từ chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư được xác định là giá trị ghi trên hợp đồng chuyển nhượng và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện. Công ty đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch mà không có nghĩa vụ phải hoàn trả lại trong bất cứ tình huống nào.

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư nợ gốc của các khoản đầu tư này và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ báo cáo nhưng đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong kỳ báo cáo nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Ghi nhận giá vốn***Giá vốn bất động sản đã chuyển nhượng*

Giá vốn của hàng hóa bất động sản đã chuyển nhượng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Giá vốn bất động sản đầu tư chuyển nhượng bao gồm giá trị còn lại của bất động sản tại thời điểm chuyển nhượng và các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến giao dịch chuyển nhượng.

Giá vốn dịch vụ đã cung cấp

Giá vốn cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

Giá vốn cho thuê bất động sản

Giá vốn cho thuê bất động sản được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng dựa trên các chi phí khấu hao bất động sản và các chi phí liên quan trực tiếp khác tới việc cho thuê bất động sản.

Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là các khoản chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp được ghi nhận vào chi phí trong kỳ theo cơ sở dồn tích.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí phát sinh liên quan hoạt động quản lý chung của doanh nghiệp, không trực tiếp gắn với hoạt động bán hàng hoặc sản xuất và được ghi nhận vào chi phí trong kỳ theo cơ sở dồn tích.

Hoạt động hợp tác kinh doanh

Hoạt động hợp tác kinh doanh là thỏa thuận giữa Công ty và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh doanh nhưng không hình thành pháp nhân độc lập và được kiểm soát bởi một trong số các bên. Lợi nhuận phân chia cho đối tác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đối với các hợp đồng hợp tác đầu tư dự án bất động sản mà Công ty là bên kiểm soát các hoạt động và tài sản của dự án, các khoản lợi nhuận phân chia cho đối tác theo quyết toán được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Thuế** (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi Công ty có khả năng chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì hình thức pháp lý.

V. CÁC GIẢ ĐỊNH VÀ ƯỚC TÍNH QUAN TRỌNG

Các giả định và ước tính quan trọng liên quan đến tương lai tạo ra sự không chắc chắn trong ước tính tại thời điểm lập báo cáo, có thể dẫn đến rủi ro đáng kể làm điều chỉnh trọng yếu giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả trong năm tài chính tiếp theo, được trình bày dưới đây.

Ước tính nghĩa vụ tiền sử dụng đất

Công ty thực hiện ước tính nghĩa vụ tiền sử dụng đất đối với dự án bất động sản mà nghĩa vụ tài chính về đất chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác định chính thức với giá trị là 201.000.000.000 đồng. Khoản dự phòng được xác định trên cơ sở các quy định và phương pháp xác định giá đất có liên quan, cùng với các thông tin và giả định hợp lý hiện có tại ngày lập Báo cáo tài chính, bao gồm giá bán, giá cho thuê, chi phí đầu tư xây dựng, công suất khai thác, tỷ lệ chiết khấu và tỷ lệ lợi nhuận của nhà đầu tư.

Do việc xác định chính thức nghĩa vụ tiền sử dụng đất phụ thuộc vào kết quả xem xét và phê duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, một số giả định sử dụng trong quá trình ước tính có thể thay đổi. Theo đó, nghĩa vụ tiền sử dụng đất được xác định chính thức trong tương lai có thể chênh lệch so với khoản dự phòng đã được ghi nhận. Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, việc xác định phạm vi chênh lệch hợp lý, nếu có, phụ thuộc vào các thông tin và kết quả xác định nghĩa vụ chính thức của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	403.887.903	344.954.456
Tiền gửi không kỳ hạn	2.086.487.927	3.237.498.201
<i>Ngân hàng Sacombank</i>	<i>988.498.784</i>	<i>777.296.207</i>
<i>Ngân hàng TPBank</i>	<i>491.796.902</i>	<i>1.766.977.050</i>
<i>Ngân hàng VietinBank</i>	<i>364.515.689</i>	<i>340.688.826</i>
<i>Các ngân hàng và tổ chức khác</i>	<i>241.676.552</i>	<i>352.536.118</i>
Cộng	2.490.375.830	3.582.452.657

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**2. Đầu tư tài chính****a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ (Trình bày lại)		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND
Ngắn hạn						
Công ty CII	196.625.506.113	196.625.506.113	-	154.327.914.607	154.327.914.607	-
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh	53.345.915.685	53.345.915.685	-	38.354.508.104	38.354.508.104	-
Cộng	249.971.421.798	249.971.421.798	-	192.682.422.711	192.682.422.711	-
Dài hạn						
Công ty CII	1.934.006.000.000	1.934.006.000.000	-	1.952.378.000.000	1.952.378.000.000	-

- Số dư phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII"), Công ty mẹ tối cao, bao gồm:
 - Khoản vốn góp hợp tác kinh doanh trị giá 1.150.000.000.000 đồng để hợp tác phát triển một dự án bất động sản đầu tư do Công ty CII đang kiểm soát theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 02/2022/HĐ-CII ngày 14 tháng 01 năm 2022, được thông qua bởi nghị quyết số 92/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty. Trong suốt thời gian hợp tác, Công ty CII là bên nắm quyền khai thác và vận hành dự án. Công ty được phân chia lợi ích cố định theo thỏa thuận tại hợp đồng. Tổng số dư phải thu theo hợp đồng này tại ngày cuối kỳ là 1.216.883.950.203 đồng, bao gồm giá trị vốn góp và tiền lãi lần lượt là 1.150.000.000.000 đồng và 66.883.950.203 đồng;
 - Khoản tiền đã thanh toán với giá trị là 857.490.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng khoản tiền được phân chia trong tương lai từ dự án Xa lộ Hà Nội cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2032 theo hợp đồng số 10/2023/HĐ-CII ngày 05 tháng 5 năm 2023, được thông qua bởi nghị quyết số 68/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng Quản trị Công ty. Trong suốt thời gian hợp tác, Công ty sẽ được hưởng các khoản phân chia trong tương lai từ dự án hoặc theo giá trị tối thiểu đã thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm. Tổng số dư phải thu theo hợp đồng này tại ngày cuối kỳ là 913.747.555.910 đồng, bao gồm giá trị vốn góp và tiền lãi lần lượt là 857.490.000.000 đồng và 56.257.555.910 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**2. Đầu tư tài chính** (tiếp theo)**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn** (tiếp theo)

Số dư phải thu gốc hợp tác kinh doanh với Công ty CII được thu hồi theo lịch biểu sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trong vòng một năm	73.484.000.000	55.112.000.000
Trong năm thứ hai	52.945.000.000	42.870.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	772.551.000.000	786.210.000.000
Sau năm năm	1.108.510.000.000	1.123.298.000.000
	2.007.490.000.000	2.007.490.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(73.484.000.000)	(55.112.000.000)
Cộng	1.934.006.000.000	1.952.378.000.000

- Số dư phải thu Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh, công ty con của Công ty, theo hợp đồng hỗ trợ vốn số 01/NBB/BBTTCN ngày 31 tháng 5 năm 2019 và các phụ lục kèm theo. Hợp đồng có thời hạn đến 31 tháng 12 năm 2027 hoặc khi Công ty có nhu cầu thu hồi vốn. Lãi suất áp dụng trong kỳ là 8,5%/năm. Công ty con đã sử dụng tầng hầm chung cư Carina và tầng hầm chung cư City Gate làm tài sản đảm bảo cho khoản hỗ trợ vốn này.

b. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh	57.615.315.000		-	57.615.315.000		-
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi	34.227.166.667		(34.227.166.667)	34.227.166.667		(34.227.166.667)
Công ty TNHH Hương Trà	19.800.000.000		(3.934.260.139)	19.800.000.000		(3.934.260.139)
Cộng	111.642.481.667		(38.161.426.806)	111.642.481.667		(38.161.426.806)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**2. Đầu tư tài chính** (tiếp theo)**c. Đầu tư vào công ty liên kết**

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tam Phú	4.579.636.245		(4.579.636.245)	4.579.636.245		(4.579.636.245)

d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia	16.150.000.000		-	16.150.000.000		-

Công ty chưa xác định được giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**2. Đầu tư tài chính** (tiếp theo)**e. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn**

Tình hình biến động dự phòng đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên kết và đơn vị khác như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số dư đầu kỳ	42.741.063.051	63.797.196.925
Trích lập dự phòng trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	42.741.063.051	63.797.196.925

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết như sau:

Tên Công ty	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ	Hoạt động	Hoạt động
- Sản xuất Hùng Thanh	kinh doanh bị lỗ	kinh doanh bị lỗ
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản		Hoạt động
Quảng Ngãi	Ngừng hoạt động	kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Hương Trà	Hoạt động	Hoạt động
	kinh doanh bị lỗ	kinh doanh bị lỗ
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tam Phú	Ngừng hoạt động	Ngừng hoạt động

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**3. Phải thu của khách hàng**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
a. Ngắn hạn				
Phải thu về chuyển nhượng bất động sản (i)	170.997.204.948	-	172.521.410.248	-
<i>Dự án Khu căn hộ Cao tầng Diamond Riverside</i>	138.103.959.475	-	139.628.164.775	-
<i>Dự án Khu biệt thự Đồi Thủy Sản</i>	18.055.295.473	-	18.055.295.473	-
<i>Dự án Khu dân cư Sơn Tịnh - Quảng Ngãi</i>	14.837.950.000	-	14.837.950.000	-
Phải thu về chuyển nhượng vốn (ii)	7.189.450.480	-	9.239.631.336	-
Phải thu khách hàng khác	846.369.519	-	257.345.641	-
Cộng	179.033.024.947	-	182.018.387.225	-
b. Dài hạn				
Phải thu về chuyển nhượng vốn (ii)	21.679.747.429	-	23.598.225.137	-
Tổng cộng	200.712.772.376	-	205.616.612.362	-

(i) Số dư cuối kỳ chủ yếu bao gồm phải thu 5% giá trị còn lại của bất động sản đã bàn giao và đang chờ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu cho khách hàng.

(ii) Số dư cuối kỳ thể hiện khoản phải thu còn lại từ việc chuyển nhượng phần vốn góp tại một công ty con. Theo hợp đồng, khoản phải thu cùng với lãi trả chậm sẽ được bên mua thanh toán dần trong vòng 4 năm kể từ ngày nhận chuyển nhượng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
Trả trước cho người bán là bên liên quan (<i>xem Thuyết minh VIII.1</i>)	34.184.478.845	-	43.996.718.203	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhịp cầu Địa Ốc (<i>i</i>)	191.784.271.900	-	191.784.271.900	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng E&C	40.447.883.701	-	40.447.883.701	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng Thiên An	-	-	62.970.071.582	-
Các đối tượng khác	52.944.256.353	-	44.270.261.820	-
Cộng	319.360.890.799	-	383.469.207.206	-

(i) Số dư thể hiện khoản tạm ứng theo hợp đồng để thực hiện môi giới bán căn hộ

5. Phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ (Trình bày lại)	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
a. Ngắn hạn				
Tạm ứng đền bù giải phóng mặt bằng (<i>i</i>)	231.378.466.875	-	233.011.958.875	-
Các khoản đặt cọc, cầm cố và ký quỹ	7.264.000.000	-	6.963.000.000	-
Các khoản phải thu khác	15.934.465.467	-	17.116.390.410	-
Cộng	254.576.932.342	-	257.091.349.285	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**5. Phải thu khác** (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ (Trình bày lại)	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
b. Dài hạn				
Các khoản ký quỹ, đặt cọc	53.880.132.130	-	28.880.132.130	-
<i>Ký quỹ thực hiện dự án (ii)</i>	26.834.310.000	-	26.834.310.000	-
<i>Đặt cọc mua cổ phần (iii)</i>	25.000.000.000	-	-	-
<i>Các khoản ký quỹ, đặt cọc khác</i>	2.045.822.130	-	2.045.822.130	-
Cộng	53.880.132.130	-	28.880.132.130	-
Tổng cộng	308.457.064.472	-	285.971.481.415	-
Trong đó, phải thu khác là các bên liên quan (xem Thuyết minh VIII.1)	96.873.572.130	-	100.873.572.130	-

(i) Số dư cuối kỳ thể hiện các khoản tạm ứng phục vụ công tác đền bù, giải phóng mặt bằng cho các dự án Công ty đang triển khai. Các khoản tạm ứng này sẽ được quyết toán và thu hồi theo tiến độ thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng của từng dự án.

(ii) Số dư cuối kỳ thể hiện khoản ký quỹ cho Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư) nhằm bảo đảm thực hiện dự án. Khoản ký quỹ sẽ được hoàn trả cho Công ty khi dự án hoàn thành và Công ty đáp ứng các điều kiện theo thỏa thuận ký quỹ.

(iii) Khoản tiền đặt cọc để thực hiện giao dịch mua phần vốn góp tại một công ty theo hợp đồng nguyên tắc đã ký.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	11.783.158.939	-	11.736.853.384	-
Bất động sản xây dựng dở dang (*)	4.554.610.019.165	-	4.036.815.351.391	-
Bất động sản hoàn thành	27.677.926.602	-	-	-
Hàng hóa bất động sản	30.352.808.658	-	30.352.808.658	-
Cộng	4.624.423.913.364	-	4.078.905.013.433	-

(*) Bất động sản xây dựng dở dang thể hiện chi phí đầu tư và phát triển của các dự án như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Dự án khu nghỉ dưỡng cao cấp kết hợp khu dân cư De Lagi (i)	1.315.152.684.713	1.266.529.131.060
Dự án Khu dân cư NBB Garden III (ii)	1.492.513.477.260	1.086.913.497.678
Dự án Khu căn hộ cao tầng NBB II (iii)	972.578.635.494	933.548.386.660
Dự án Khu dân cư Sơn Tịnh - Quảng Ngãi (iv)	718.098.601.427	693.557.715.722
Chi phí dở dang của các dự án khác	56.266.620.271	56.266.620.271
Cộng	4.554.610.019.165	4.036.815.351.391

(i) Dự án tọa lạc tại phường Phước Hội, tỉnh Lâm Đồng với mục tiêu kinh doanh khu nghỉ dưỡng cao cấp đáp ứng nhu cầu du lịch, giải trí và lưu trú của du khách, đầu tư khu dân cư nhằm đáp ứng nhu cầu tái định cư và nhu cầu lưu trú của cán bộ công nhân viên khu du lịch. Dự án được cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 48121000413 ngày 04 tháng 8 năm 2009. Tổng diện tích đất quy hoạch là 124,53 ha, tổng vốn đầu tư dự án là 2.725,7 tỷ đồng. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, dự án đang tiếp tục đền bù, bồi thường giải phóng mặt bằng. Công ty đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng bàn giao 67,45 ha và đang tiến hành thi công hạ tầng trên phần đất này.

(ii) Dự án tọa lạc tại phường Phú Định, Thành phố Hồ Chí Minh với mục tiêu đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng chung cư, căn hộ shophouse và các tiện ích khác. Dự án được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận chủ trương đầu tư vào ngày 04 tháng 10 năm 2024 và được Ủy ban Nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/500 ngày 12 tháng 6 năm 2025. Tổng diện tích đất quy hoạch là 5,27 ha, tổng vốn đầu tư dự án là 4.478 tỷ đồng. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, dự án đang trong giai đoạn thi công phần móng và tầng hầm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho** (tiếp theo)

(iii) Dự án tọa lạc tại xã Tân Nhật, Thành phố Hồ Chí Minh với mục tiêu đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng chung cư, căn hộ shophouse và các tiện ích khác. Dự án được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận chủ trương đầu tư vào ngày 21 tháng 6 năm 2025. Tổng diện tích đất quy hoạch là 7,88 ha, tổng vốn đầu tư dự án là 2.009 tỷ đồng. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, dự án đã hoàn thành công tác đền bù và đang trong giai đoạn hoàn thiện thủ tục pháp lý để xây dựng.

(iv) Dự án tọa lạc tại phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi với mục tiêu đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ trên cơ sở quy hoạch được duyệt, bao gồm các khu chức năng như: đất ở, đất công trình công cộng, thương mại, dịch vụ, công viên cây xanh, mặt nước, nhằm đáp ứng nhu cầu cho người dân trong khu vực và các tổ chức khác trong và ngoài nước. Dự án được cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 34121000043 ngày 06 tháng 3 năm 2009. Tổng diện tích đất quy hoạch là 102,69 ha, tổng vốn đầu tư dự án là 2.215 tỷ đồng. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, dự án đang triển khai kinh doanh đối với khu vực đã hoàn thành hạ tầng, đồng thời tiếp tục triển khai, hoàn tất công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và thi công hạ tầng trên phần diện tích còn lại.

Công ty đã thế chấp quyền phải thu và lợi ích kinh tế từ các dự án nêu trên để đảm bảo cho các khoản vay và nghĩa vụ tài chính khác (xem *Thuyết minh VI.17*).

Trong kỳ, Công ty đã vốn hóa lãi vay vào các dự án nêu trên với tổng giá trị là 149.427.190.418 đồng (kỳ trước là 101.770.841.637 đồng). Các khoản chi phí đi vay này liên quan đến các khoản vay chung và vay trực tiếp cho mục đích đầu tư các dự án bất động sản của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay chung được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa là 10,08%/năm (kỳ trước là 7,78%/năm) trên chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho các dự án bất động sản đủ điều kiện vốn hóa của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	52.432.640.211	1.502.103.442	11.697.754.942	1.334.122.637	66.966.621.232
Số dư cuối kỳ	52.432.640.211	1.502.103.442	11.697.754.942	1.334.122.637	66.966.621.232
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	7.380.760.587	1.362.735.368	10.756.545.607	1.043.386.257	20.543.427.819
Khấu hao trong kỳ	761.922.696	28.391.976	340.577.217	74.685.581	1.205.577.470
Số dư cuối kỳ	8.142.683.283	1.391.127.344	11.097.122.824	1.118.071.838	21.749.005.289
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	45.051.879.624	139.368.074	941.209.335	290.736.380	46.423.193.413
Số dư cuối kỳ	44.289.956.928	110.976.098	600.632.118	216.050.799	45.217.615.943

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày cuối kỳ và đầu kỳ là 10.299.711.660 đồng và 8.984.965.842 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**8. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	17.606.821.837	269.100.000	17.875.921.837
Số dư cuối kỳ	17.606.821.837	269.100.000	17.875.921.837
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	269.100.000	269.100.000
Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	269.100.000	269.100.000
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	17.606.821.837	-	17.606.821.837
Số dư cuối kỳ	17.606.821.837	-	17.606.821.837

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày cuối kỳ và đầu kỳ là 269.100.000 đồng.

9. Bất động sản đầu tư

	Các tiện ích cho thuê tại Dự án Diamond Riverside		
	Khu nhà trẻ VND	Phòng tập gym VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	15.383.881.527	3.385.348.347	18.769.229.874
Số dư cuối kỳ	15.383.881.527	3.385.348.347	18.769.229.874
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	827.394.435	579.320.672	1.406.715.107
Khấu hao trong kỳ	394.587.126	9.200.604	403.787.730
Số dư cuối kỳ	1.221.981.561	588.521.276	1.810.502.837
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	14.556.487.092	2.806.027.675	17.362.514.767
Số dư cuối kỳ	14.161.899.966	2.796.827.071	16.958.727.037

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá, không có sự suy giảm giá trị so với giá trị ghi sổ tại ngày báo cáo của những tài sản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**9. Bất động sản đầu tư** (tiếp theo)

Các khoản doanh thu và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập từ cho thuê bất động sản	555.709.094	506.618.184
Chi phí hoạt động, kinh doanh trực tiếp của bất động sản đầu tư tạo ra thu nhập cho thuê trong kỳ	408.270.876	376.968.098
Lợi nhuận từ cho thuê bất động sản	147.438.218	129.650.086

10. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ (Trình bày lại) VND
Chi phí liên quan đến các bất động sản chưa bàn giao chờ phân bổ	151.402.360.640	138.586.867.922
Chi phí mua lại quyền tham gia dự án (i)	111.046.537.760	111.046.537.760
Các khoản chi phí chờ phân bổ khác	616.253.609	1.619.282.867
Cộng	263.065.152.009	251.252.688.549

(i) Số dư thể hiện khoản tiền Công ty đã chi ra để mua lại 55% quyền tham gia đầu tư và phát triển dự án Khu dân cư Sơn Tịnh - Quảng Ngãi mà trước đó Công ty đã chuyển nhượng cho một đối tác. Khoản chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo diện tích kinh doanh còn lại của dự án.

Tình hình biến động các khoản chi phí chờ phân bổ dài hạn như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số dư đầu kỳ	251.252.688.549	236.491.235.647
Chi phí phát sinh trong kỳ	12.815.492.718	14.037.492.520
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(1.003.029.258)	(3.532.229.553)
Số dư cuối kỳ	263.065.152.009	246.996.498.614

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ vào thu nhập tính thuế trong tương lai		
Số dư đầu kỳ	5.969.364.148	4.516.935.443
Kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ	4.427.231.127	-
Số dư cuối kỳ	1.542.133.021	4.516.935.443

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để tính thuế hoãn lại 20%

Thuế suất được sử dụng để tính thuế hoãn lại là thuế suất dự tính của kỳ tương lai khi tài sản được thu hồi hoặc thanh lý hay khi nợ phải trả được thanh toán.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải trả cho người bán là bên liên quan (xem <i>Thuyết minh VIII. 1</i>)	8.823.683.854	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng Thiên An	22.911.181.287	-
Công ty TNHH Tư vấn P&T (Việt Nam)	3.433.537.512	3.047.322.521
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Điện Việt Nam PIDI	3.090.102.222	3.090.102.222
Công ty Cổ phần Xây lắp Tiến Thịnh	3.064.913.537	3.064.913.537
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Nền móng Phú Sỹ	2.889.708.375	4.510.722.335
Các đối tượng khác	7.222.793.537	13.721.969.242
Cộng	51.435.920.324	27.435.029.857

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Số dư thể hiện các khoản tiền thanh toán theo tiến độ của các khách hàng nhận chuyển nhượng bất động sản liên quan đến các dự án Công ty đang đầu tư và phát triển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Số đầu kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	286.945.345	286.945.345	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	702.326.442	1.530.596.839	1.193.284.278	365.013.881
Cộng	989.271.787	1.817.542.184	1.193.284.278	365.013.881
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	3.533.320	3.533.320	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.257.111.889	7.044.016.363	17.395.253.409	6.905.874.843
Thuế thu nhập cá nhân	140.985.346	66.665.739	95.743.031	111.908.054
Cộng	17.398.097.235	7.114.215.422	17.494.529.760	7.017.782.897

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi phí lãi vay phải trả	37.086.751.099	28.791.090.942
Chi phí xây dựng phải trả	-	369.215.931
Các khoản chi phí phải trả khác	43.700.000	33.000.000
Cộng	37.130.451.099	29.193.306.873

16. Phải trả khác

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ (Trình bày lại) VND
a. Ngắn hạn		
Lãi vay phải trả	268.891.991.617	209.345.586.411
Tiền nhận giữ chỗ, đặt cọc từ khách hàng	57.915.014.700	64.225.014.700
Phải trả tiền lãi chậm thanh toán	5.401.712.330	11.426.638.978
Các khoản phải trả khác	4.222.118.908	4.703.921.074
Cộng	336.430.837.555	289.701.161.163
b. Dài hạn		
Phải trả vốn hợp tác đầu tư (i)	535.000.000.000	535.000.000.000
Lãi vay phải trả	198.911.819.046	180.661.832.415
Nhận ký quỹ, ký cược	48.815.497.335	48.815.497.335
Cộng	782.727.316.381	764.477.329.750
Tổng cộng	1.119.158.153.936	1.054.178.490.913
Trong đó, phải trả khác là các bên liên quan (xem Thuyết minh VIII. 1)	1.003.340.667.998	925.544.276.161

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**16. Phải trả khác** (tiếp theo)

(i) Số dư thể hiện các khoản nhận vốn hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Thương mại Đầu tư CII (công ty mẹ). Bên góp vốn được phân chia lợi nhuận căn cứ vào kết quả hợp tác kinh doanh và theo các điều khoản của từng hợp đồng, bao gồm:

- Hợp tác kinh doanh Dự án Khu nghỉ dưỡng cao cấp kết hợp khu dân cư De Lagi theo hợp đồng và thỏa thuận đã ký kết. Giá trị khoản hợp tác là 485 tỷ đồng, thời hạn hợp tác đến ngày 13 tháng 01 năm 2028;
- Hợp tác kinh doanh khu đất tại phường Phú Định, Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng và thỏa thuận đã ký kết. Giá trị khoản hợp tác là 50 tỷ đồng, thời hạn hợp tác cho đến khi kết thúc dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**17. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số cuối kỳ VND	Trong kỳ		Số đầu kỳ (Trình bày lại) VND
		Tăng VND	Giảm VND	
a. Ngắn hạn				
Vay các bên liên quan (<i>xem Thuyết minh VIII. 1</i>)	1.360.075.483.635	378.241.000.000	135.600.000.000	1.117.434.483.635
Các khoản vay cá nhân	39.213.571.493	-	23.800.000.000	63.013.571.493
Các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả (<i>xem Thuyết minh b</i>)	166.287.764.948			122.477.000.000
Cộng	1.565.576.820.076	378.241.000.000	159.400.000.000	1.302.925.055.128
b. Dài hạn				
Ngân hàng VPBank	1.806.474.871.292	724.413.608.172	9.798.000.000	1.091.859.263.120
Ngân hàng VietinBank - Chi nhánh 11	862.964.000.000	-	9.668.000.000	872.632.000.000
Ngân hàng TPBank	786.591.059.790	877.500.000	40.000.000.000	825.713.559.790
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư CII - Bên liên quan	100.030.000.000	74.000.000.000	477.140.000.000	503.170.000.000
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(166.287.764.948)			(122.477.000.000)
Cộng	3.389.772.166.134	799.291.108.172	536.606.000.000	3.170.897.822.910
Tổng cộng	4.955.348.986.210	1.177.532.108.172	696.006.000.000	4.473.822.878.038

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**17. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay**

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo và các thông tin khác
a. Vay ngắn hạn					
Bên liên quan	1.360.075.483.635				
Công ty CII	1.341.045.000.000	12 tháng, đáo hạn vào ngày 20/03/2027	10,0%	Hợp tác đầu tư dự án De Lagi.	Không có tài sản đảm bảo.
Công ty TNHH Hương Trà	15.923.078.000	12 tháng	0,0%	Bổ sung vốn lưu động và phục vụ cho hoạt động kinh doanh.	Không có tài sản đảm bảo.
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng	3.107.405.635	12 tháng	0,0%	Bổ sung vốn lưu động và phục vụ cho hoạt động kinh doanh.	Không có tài sản đảm bảo.
Khoản vay cá nhân	39.213.571.493	12 tháng hoặc một thời hạn thỏa thuận khác	8,0% - 10,0%	Bổ sung vốn lưu động và phục vụ cho hoạt động kinh doanh.	Không có tài sản đảm bảo.
b. Vay dài hạn					
Ngân hàng VPBank	1.149.874.871.292	60 tháng, đáo hạn vào ngày 11/11/2030	10,3% - 12,5%	- Bổ đắp chi phí để phát triển Dự án Khu căn hộ cao tầng NBB II. - Thanh toán chi phí phát triển Dự án Khu dân cư NBB Garden III.	Toàn bộ quyền tài sản, quyền sử dụng đất, tài sản hình thành và các khoản phải thu phát sinh từ Dự án Khu dân cư NBB Garden III.
	656.600.000.000	87 tháng, đáo hạn vào ngày 25/09/2030	9,5%	Thanh toán tiền chuyển nhượng khoản tiền được phân chia trong tương lai của Dự án Xa lộ Hà Nội và Công ty CII.	Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng chuyển nhượng khoản tiền được phân chia trong tương lai của Dự án Xa lộ Hà Nội. Bảo lãnh từ Công ty CII.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**17. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay** (tiếp theo)

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo và các thông tin khác
b. Vay dài hạn (tiếp theo)					
Ngân hàng VietinBank - Chi nhánh 11	862.964.000.000	180 tháng, đáo hạn vào ngày 16/06/2038	9,2% - 11,5%	Thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh Dự án đầu tư xây dựng Cao ốc văn phòng tại 152 Điện Biên Phủ với Công ty CII.	Toàn bộ quyền khai thác, quản lý và lợi ích từ Dự án khu nghỉ dưỡng cao cấp kết hợp khu dân cư De Lagi. Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng hợp tác dự án đầu tư xây dựng Cao ốc văn phòng tại 152 Điện Biên Phủ giữa Công ty và Công ty CII.
Ngân hàng TPBank	335.500.000.000	60 tháng, đáo hạn ngày 08/09/2030	9,65% - 10,15%	Hoàn vốn theo Hợp đồng hỗ trợ vốn HD 37/2023/HĐ-CII ngày 20/11/2023.	Một phần quyền sử dụng đất thuộc Dự án Khu căn hộ cao tầng NBB II. 3.700.000 cổ phiếu LGC thuộc sở hữu của Công ty CII.
	298.380.000.000	60 tháng, đáo hạn ngày 18/04/2030	9,15% - 12,60%	Bù đắp, thanh toán các chi phí của Dự án Khu căn hộ cao tầng NBB II.	Một phần quyền sử dụng đất thuộc Dự án Khu căn hộ cao tầng NBB II. Một số hàng hóa bất động sản thuộc sở hữu của Công ty. Toàn bộ quyền tài sản, tài sản hình thành và các khoản phải thu phát sinh từ Dự án Khu căn hộ cao tầng NBB II.
	152.711.059.790	36 tháng, đáo hạn ngày 13/11/2028	8,5%	Bù đắp chi phí giải phóng mặt bằng, đầu tư, triển khai xây dựng Dự án Khu dân cư Sơn Tịnh - Quảng Ngãi.	Quyền sử dụng đất và tài sản phát sinh từ Dự án Khu dân cư Sơn Tịnh - Quảng Ngãi. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Công ty CII. Bảo lãnh từ Công ty CII.
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư CII	100.030.000.000	60 tháng, đáo hạn vào ngày 11/11/2028	9,6%	Hoàn vốn cho các khoản đầu tư tài sản, các dự án bất động sản đang được đầu tư và phát triển của Công ty.	Không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**17. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ (Trình bày lại) VND
Trong vòng một năm	166.287.764.948	122.477.000.000
Trong năm thứ hai	467.333.763.678	260.128.529.895
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.239.015.402.456	2.197.346.293.015
Sau năm năm	683.423.000.000	713.423.000.000
	3.556.059.931.082	3.293.374.822.910
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(166.287.764.948)	(122.477.000.000)
Cộng	3.389.772.166.134	3.170.897.822.910

18. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền sử dụng đất của Dự án Diamond Riverside (i)	201.000.000.000	201.000.000.000
Dự phòng bảo hành công trình	1.666.513.634	1.666.513.634
Cộng	202.666.513.634	202.666.513.634

(i) Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty vẫn chưa thể quyết toán được tiền sử dụng đất để nộp Ngân sách Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**19. Vốn chủ sở hữu****a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu mua lại của chính mình VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025					
Số đầu kỳ	1.004.756.560.000	207.059.165.444	(7.087.077.763)	585.382.254.832	1.790.110.902.513
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	7.805.496.818	7.805.496.818
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(17.600.000)	(17.600.000)
Số cuối kỳ	1.004.756.560.000	207.059.165.444	(7.087.077.763)	593.170.151.650	1.797.898.799.331
Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025					
Số đầu kỳ	1.004.756.560.000	207.059.165.444	(7.087.077.763)	593.170.151.650	1.797.898.799.331
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	627.086.174	627.086.174
Hoàn nhập thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	-	-	-	154.639.174	154.639.174
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
Điều chỉnh khác	-	-	-	1.947.500	1.947.500
Số cuối kỳ	1.004.756.560.000	207.059.165.444	(7.087.077.763)	587.953.824.498	1.792.682.472.179
Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026					
Số đầu kỳ	1.004.756.560.000	207.059.165.444	(7.087.077.763)	587.953.824.498	1.792.682.472.179
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	4.171.973.929	4.171.973.929
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(373.213.838)	(373.213.838)
Số cuối kỳ	1.004.756.560.000	207.059.165.444	(7.087.077.763)	591.752.584.589	1.796.481.232.270

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**19. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**b. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.475.656	100.475.656
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	100.475.656	100.475.656
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>100.475.656</i>	<i>100.475.656</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(315.861)	(315.861)
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>(315.861)</i>	<i>(315.861)</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.159.795	100.159.795
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>100.159.795</i>	<i>100.159.795</i>
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

c. Cổ tức

Theo Nghị quyết số 03/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên, Công ty sẽ không thực hiện chia cổ tức năm 2025 và 2026.

20. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Nợ khó đòi đã xử lý	66.366.863.462	66.366.863.462

Các khoản nợ khó đòi quá hạn thanh toán qua nhiều kỳ đã được Công ty trích lập dự phòng theo quy định. Sau khi thực hiện các biện pháp thu hồi nợ cần thiết, Công ty đánh giá, xác định một số các khoản nợ không có khả năng thu hồi và thực hiện xóa các khoản nợ này. Trong đó, các khoản phải thu khó đòi được xử lý xóa sổ bằng nguồn dự phòng bao gồm:

- Khoản tạm ứng thi công công trình với số tiền 20,6 tỷ đồng cho một đối tác xây lắp thực hiện Dự án Khu dân cư Sơn Tịnh - Quảng Ngãi.
- Khoản hỗ trợ vốn với số tiền 30,6 tỷ đồng đã cấp cho một đối tác trong thời gian vẫn còn là công ty thành viên của Công ty.

Công ty vẫn tiếp tục thực hiện các biện pháp thu hồi các khoản nợ đã xử lý này và khi thu hồi được sẽ ghi nhận vào thu nhập khác của kỳ thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.706.412.186	3.681.816.258
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	-	14.842.650.025
Cộng	3.706.412.186	18.524.466.283
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại (i)	(28.680.817.684)	-
Doanh thu thuần	(24.974.405.498)	18.524.466.283

(i) Trong kỳ, khách hàng đã hoàn trả một số bất động sản đã nhận bàn giao trước đó. Doanh thu và giá vốn tương ứng của các bất động sản này lần lượt là 28.680.817.684 VND và 27.677.926.602 VND (xem Thuyết minh VII.2).

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn dịch vụ cung cấp	1.959.768.155	1.663.522.364
Giá vốn bất động sản đã chuyển nhượng	-	8.060.177.126
Giá vốn hàng bán bị trả lại	(27.677.926.602)	-
Cộng	(25.718.158.447)	9.723.699.490

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi từ các khoản hợp tác kinh doanh, hỗ trợ vốn và lãi tiền gửi	119.042.944.450	138.371.796.940
Thu nhập từ chuyển nhượng quyền tham gia dự án (i)	8.000.000.000	48.000.000.000
Doanh thu tài chính khác	1.531.341.436	-
Cộng	128.574.285.886	186.371.796.940
Trong đó, doanh thu tài chính phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan (xem Thuyết minh VIII.1)	119.036.407.581	137.820.578.098

(i) Thu nhập từ chuyển nhượng quyền tham gia dự án phát sinh trong kỳ là tiền chuyển nhượng quyền tham gia đầu tư, phát triển Dự án trên khu đất phường Phú Định, Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng chuyển nhượng số 05/2024/HĐ-PC ký ngày 09 tháng 12 năm 2024, được phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị Công ty tại Nghị quyết số 79/NQ-HĐQT ngày 06 tháng 12 năm 2024. Theo hợp đồng, Công ty không có nghĩa vụ phải hoàn trả lại khoản tiền này trong bất kỳ trường hợp nào. Trong kỳ, Công ty đã thu được toàn bộ số tiền chuyển nhượng quyền nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí đi vay	84.066.906.398	130.798.741.601
Các khoản chi phí tài chính khác	-	921.667.958
Cộng	84.066.906.398	131.720.409.559
Trong đó, chi phí tài chính phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan (<i>xem Thuyết minh VIII.1</i>)	15.113.341.477	25.159.638.850

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.460.284.367	1.894.585.167
Chi phí khấu hao	120.350.843	185.236.187
Thuế, phí và lệ phí	163.722.284	89.126.750
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	2.106.317.808
Chi phí dịch vụ mua ngoài	806.543.152	892.069.577
Chi phí bằng tiền khác	444.813.498	300.761.357
Cộng	2.995.714.144	5.468.096.846

6. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập từ xử lý các khoản công nợ	868.104.099	-
Thu nhập từ các khoản phạt vi phạm hợp đồng	320.000.000	-
Các khoản thu nhập khác	888.829.174	187.528.357
Cộng	2.076.933.273	187.528.357
Trong đó, thu nhập phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan (<i>xem Thuyết minh VIII.1</i>)	138.888.888	138.888.888

7. Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thanh lý hợp đồng (i)	25.714.903.821	40.441.253.892
Lãi chậm nộp thuế, vi phạm hành chính	314.349.792	867.501.714
Các khoản chi phí khác	1.199.754.077	2.153.099.484
Cộng	27.229.007.690	43.461.855.090

(i) Số phát sinh thể hiện các khoản chi phí khi thanh lý hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng đã đặt cọc mua bất động sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	15.930.166.764	14.096.667.561
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:		
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	22.255.983.213	17.359.186.154
Trừ: Các khoản thu nhập không chịu thuế	(1.531.341.436)	-
Thu nhập tính thuế	36.654.808.541	31.455.853.715
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	7.330.961.708	6.291.170.743

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII")	Công ty mẹ tối cao của tập đoàn
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư CII ("CII Invest")	Công ty mẹ
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi	Công ty con
Công ty TNHH Hương Trà	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tam Phú	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ và Đầu tư CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm ("KBTT")	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ ("OBI")	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đô thị xanh Sài Gòn Long Khánh (i)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cầu Sài Gòn	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Hạ Tầng Trung Bộ	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH BOT Cao tốc Sài Gòn - Mỹ Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đối tác Công tư CII ("CII-PPP")	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cầu đường Hiền An Bình	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG ("VRG")	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII ("CIIBR OM")	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Kỹ Thuật Xây Dựng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty	Nhân sự quản lý chủ chốt

(i) Công ty đã giải thể ngày 22 tháng 6 năm 2026.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Bên liên quan** (tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu hoạt động tài chính		
Công ty CII	117.195.000.000	118.489.000.000
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh	1.841.407.581	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	19.190.208.235
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	-	141.369.863
Cộng	119.036.407.581	137.820.578.098
Chi phí đi vay		
Công ty CII	59.546.405.206	57.096.973.479
Trong đó: Chi phí lãi vay vốn hoá	(44.433.063.729)	(33.468.490.440)
Công ty CII Invest	18.249.986.631	65.967.780.821
Trong đó: Chi phí lãi vay vốn hoá	(18.249.986.631)	(64.627.309.942)
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	-	190.684.932
Cộng	15.113.341.477	25.159.638.850
Thu nhập khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	138.888.888	138.888.888

Ngoài các giao dịch đã được trình bày ở trên, trong kỳ Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Công ty CII		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	378.241.000.000	130.300.000.000
Hoàn trả tiền hỗ trợ vốn	135.600.000.000	1.168.854.000.000
Công ty CII Invest		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	74.000.000.000	650.000.000.000
Hoàn trả tiền hỗ trợ vốn	477.140.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	-	190.000.000.000
Hoàn trả tiền hỗ trợ vốn	-	4.000.000.000
Chi phí mua vật tư và thi công dự án	82.268.757.372	20.358.247.602
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	13.150.000.000	100.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ		
Chi phí thuê văn phòng và tiện ích khác	3.097.848.000	3.877.824.021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026***VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**1. Bên liên quan** (tiếp theo)**Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	34.184.478.845	43.996.718.203
Phải thu khác		
Ông Nguyễn Văn Tý	95.431.470.000	99.431.470.000
Công ty OBI	1.442.102.130	1.442.102.130
Cộng	96.873.572.130	100.873.572.130
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
a. Ngắn hạn		
Công ty CII	196.625.506.113	154.327.914.607
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh	53.345.915.685	38.354.508.104
Cộng	249.971.421.798	192.682.422.711
b. Dài hạn		
Công ty CII	1.934.006.000.000	1.952.378.000.000
Tổng cộng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.183.977.421.798	2.145.060.422.711
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	8.823.683.854	-
Phải trả khác		
a. Ngắn hạn		
Công ty CII	268.891.991.617	209.345.586.411
b. Dài hạn		
Công ty CII Invest	733.911.819.046	715.661.832.415
<i>Phải trả vốn hợp tác đầu tư</i>	<i>535.000.000.000</i>	<i>535.000.000.000</i>
<i>Lãi vay phải trả</i>	<i>198.911.819.046</i>	<i>180.661.832.415</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	536.857.335	536.857.335
Cộng	734.448.676.381	716.198.689.750
Tổng cộng phải trả khác	1.003.340.667.998	925.544.276.161

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026***VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**1. Bên liên quan** (tiếp theo)**Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán** (tiếp theo)

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Vay và nợ thuê tài chính		
a. Ngắn hạn		
Công ty CII	1.341.045.000.000	1.098.404.000.000
Công ty TNHH Hương Trà	15.923.078.000	15.923.078.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi	3.107.405.635	3.107.405.635
Cộng	1.360.075.483.635	1.117.434.483.635
b. Dài hạn		
Công ty CII Invest	100.030.000.000	503.170.000.000
Tổng cộng vay và nợ thuê tài chính	1.460.105.483.635	1.620.604.483.635

Thù lao, phụ cấp của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hội đồng Quản trị		
Ông Lưu Hải Ca	480.000.000	-
Ban Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Bá Lân	600.000.000	480.000.000
Ông Nguyễn Quý Bình	480.000.000	360.000.000
Ông Nguyễn Văn Tý	480.000.000	360.000.000
Ông Trương Lê Duy	240.000.000	180.000.000
Cộng	1.800.000.000	1.380.000.000
Tổng cộng	2.280.000.000	1.380.000.000

Các thành viên khác của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát không hưởng thù lao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**2. Cam kết thuê hoạt động - Công ty là bên đi thuê**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ	2.934.754.056	2.884.204.260

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trong vòng một năm	6.375.006.072	2.403.503.550
Trong năm thứ hai	6.375.006.072	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	5.843.755.566	-
Cộng	18.593.767.710	2.403.503.550

3. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
Đặt cọc mua vốn góp (xem thuyết minh VI.5)	25.000.000.000	-
Tiền thu từ đi vay		
Tiền thu từ đi vay các bên liên quan	452.241.000.000	780.300.000.000
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	724.413.608.172	584.200.000.000
Cộng	1.176.654.608.172	1.364.500.000.000
Tiền trả nợ gốc vay		
Tiền trả nợ gốc vay các bên liên quan	612.740.000.000	1.172.854.000.000
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	83.266.000.000	163.099.770.000
Cộng	696.006.000.000	1.335.953.770.000

4. Nợ tiềm tàng

Như đã thuyết minh ở VI.18, Công ty đã sử dụng các thông tin sẵn có và các giả định để có thể ước tính một cách hợp lý nhất chi phí tiền sử dụng đất của dự án khu căn hộ cao tầng Diamond Riverside với giá trị là 201 tỷ đồng. Đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty vẫn chưa thể quyết toán được tiền sử dụng đất với cơ quan có thẩm quyền để nộp Ngân sách Nhà nước. Do đó, tiền sử dụng đất của dự án này có thể chênh lệch với giá trị mà Công ty đã ước tính và ghi nhận vào kết quả kinh doanh.

5. Số liệu so sánh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, Công ty đã áp dụng Thông tư số 99 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Theo đó, một số số liệu kỳ trước đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 99 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**5. Số liệu so sánh** (tiếp theo)**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

Mã số	Khoản mục	Số đầu kỳ (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Số đầu kỳ (Được trình bày lại)
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn (i)	-	192.682.422.711	192.682.422.711
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn (i)	37.297.076.208	(37.297.076.208)	(*)
135	Phải thu ngắn hạn khác (i)	412.476.695.788	(155.385.346.503)	257.091.349.285
215	Phải thu dài hạn khác (ii)	1.981.258.132.130	(1.952.378.000.000)	28.880.132.130
265	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn (ii)	-	1.952.378.000.000	1.952.378.000.000
271	Chi phí chờ phân bổ dài hạn (iii)	258.250.188.549	(6.997.500.000)	251.252.688.549
320	Phải trả ngắn hạn khác (iii)	308.731.644.798	(19.030.483.635)	289.701.161.163
321	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (iii)	1.285.649.571.493	17.275.483.635	1.302.925.055.128
339	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (iii)	3.176.140.322.910	(5.242.500.000)	3.170.897.822.910

(*) Chỉ tiêu này không còn được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính riêng theo quy định tại Thông tư số 99/2025/TT-BTC.

(i) Phân loại số dư phải thu về cho vay ngắn hạn sang đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn và số tiền lãi phải thu về cho vay từ phải thu ngắn hạn khác sang đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn.

(ii) Phân loại lại số dư khoản vốn góp hợp tác kinh doanh từ phải thu dài hạn khác sang đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn.

(iii) Phân loại lại các khoản vay và nợ thuê tài chính, cụ thể:

- Cấn trừ chi phí đi vay từ chi phí chờ phân bổ dài hạn sang vay và nợ thuê tài chính dài hạn.
- Phân loại số dư khoản nhận hỗ trợ vốn từ phải trả ngắn hạn khác sang vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**5. Số liệu so sánh** (tiếp theo)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

Mã số	Khoản mục	Kỳ trước (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Kỳ trước (Được trình bày lại)
24	- Trong đó: Chi phí đi vay	129.298.741.601	1.500.000.000	130.798.741.601

Trình bày lại do thay đổi phạm vi của chỉ tiêu từ Chi phí lãi vay thành Chi phí đi vay, bao gồm chi phí lãi vay và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đi vay như phí cam kết rút vốn.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 đến ngày 16 tháng 7 năm 2026, Công ty đã hoàn tất việc bán toàn bộ 315.861 cổ phiếu mua lại của chính mình (cổ phiếu quỹ) với giá giao dịch bình quân là 18.000 đồng/cổ phiếu. Sau khi hoàn tất giao dịch, số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành tăng từ 100.159.795 cổ phiếu lên 100.475.656 cổ phiếu.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán và đến ngày phát hành báo cáo tài chính này yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Nguyễn Văn Minh
Kế toán trưởng kiêm
người lập biểu



Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Nguyễn Bá Lân
Tổng Giám đốc